

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Viên chức ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BGDĐT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT ngày 09/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT ngày 14/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phân bổ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định trách nhiệm, quyền hạn và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 42/2026/QĐ-UBND ngày 01/5/2026);

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Công an tỉnh;
- Các sở: Nội vụ, Tài chính;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- GD, các PGD Sở GDĐT;
- Cổng thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP, TCCB.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Thái



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non,
phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2889 /QĐ-SGDĐT ngày 27/10/2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi)*

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Viên chức ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (*viết tắt là Nghị định số 179/2024/NĐ-CP*);

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BGDĐT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 28/2026/TT-BGDĐT ngày 09/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT ngày 14/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phân bổ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phân bổ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định trách nhiệm, quyền hạn và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 42/2026/QĐ-UBND ngày 01/5/2026);

Sở GDĐT ban hành Kế hoạch tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tỉnh Quảng Ngãi năm 2026, cụ thể như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức tuyển dụng nhằm bổ sung giáo viên giảng dạy, làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tỉnh Quảng Ngãi năm học 2026 - 2027 theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đúng cơ cấu vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp viên chức, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

- Việc tuyển dụng giáo viên phải đảm bảo công khai, khách quan, dân chủ, công bằng và đúng quy định của pháp luật.

- Người được tuyển dụng phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của chức danh nghề nghiệp, chức danh nhà giáo và phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển; có trình độ chuyên môn, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; việc tuyển dụng thực hiện trong phạm vi số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao cho từng cơ quan, đơn vị.

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

1. Thực trạng số lượng người làm việc

1.1. Đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở GDĐT

- Số lượng người làm việc được UBND tỉnh giao cho Sở GDĐT năm 2026¹: 4.402 người.

- Số lượng người làm việc hiện có: 4.280 người.

- Số lượng người làm việc chưa sử dụng: 122 người.

1.2. Đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND cấp xã

- Số lượng người làm việc được UBND tỉnh giao cho UBND cấp xã năm 2026²: 24.801 người.

- Số lượng người làm việc hiện có: 24.230 người.

- Số lượng người làm việc chưa sử dụng: 571 người.

2. Nhu cầu tuyển dụng

1.1. Đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở GDĐT

Tổng chỉ tiêu tuyển dụng **96** giáo viên trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15): gồm: môn Toán: 12, môn Vật lý: 01, môn Hóa học: 05, môn Sinh học: 03, môn Ngữ văn: 10, môn Lịch sử: 13, môn Địa lí: 04, môn Tiếng Anh: 14, môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật (GDCL): 10, môn Giáo dục thể chất: 05, môn Tin học: 04, môn Âm nhạc: 04, môn Mỹ thuật: 02, môn Giáo dục Quốc phòng-An ninh: 08, môn Công nghệ (nông nghiệp): 01, với 15 vị trí.

1.2. Đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND cấp xã

Tổng chỉ tiêu tuyển dụng **423** giáo viên, trong đó:

- bậc mầm non: 52 chỉ tiêu với 01 vị trí;

- bậc tiểu học: 174 chỉ tiêu với 07 vị trí;

¹ Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh.

² Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh.

- Bậc trung học cơ sở: 197 chỉ tiêu với 18 vị trí.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Thí sinh phải đăng ký ít nhất 01 đơn vị và có thể đăng ký tất cả các nguyện vọng theo số lượng đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung theo Thông báo tuyển dụng. Trường hợp thí sinh không lựa chọn đơn vị trong danh sách thì được hiểu là không đăng ký tuyển dụng vào đơn vị đó. Thí sinh ghi rõ tên đơn vị ưu tiên lựa chọn theo thứ tự nguyện vọng tính từ trên trở xuống.

III. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

1. Đối tượng tuyển dụng

a) Sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.

b) Sinh viên có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên theo cấp học tương ứng; sinh viên có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên mầm non.

2. Điều kiện đăng ký dự tuyển

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- d) Có Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định;
- đ) Có lý lịch rõ ràng;
- e) Có đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- g) Có đủ văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng, chức danh nghề nghiệp giáo viên cần tuyển, cụ thể:

- Giáo viên mầm non hạng III (V.07.02.26)

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên mầm non;

- Giáo viên tiểu học hạng III (V.07.03.29)

- + Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học;
- + Đối với giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất phải có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên tiểu học;
- + Đối với giáo viên giảng dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), môn Ngoại ngữ, môn Tin học và Công nghệ phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào

tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

- Giáo viên trung học cơ sở hạng III (V.07.04.32)

+ Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

+ Đối với giáo viên dạy môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật) phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

- Giáo viên trung học phổ thông hạng III (V.07.05.15)

+ Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;

+ Đối với giáo viên dạy môn Âm nhạc, môn Mĩ thuật phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển

- Người mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án hoặc chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

- Người đã có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Bộ luật Hình sự.

4. Đối tượng, tiêu chuẩn tuyển dụng viên chức theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP

a) Sinh viên tốt nghiệp thủ khoa tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên tại cơ sở giáo dục đại học uy tín trên thế giới được công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển;

b) Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên tính đến thời

điểm nộp hồ sơ dự tuyển và thuộc một trong các trường hợp đạt thành tích cá nhân sau:

Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (*toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học*) và khoa học xã hội (*ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ*) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia hoặc quốc tế trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học;

Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi Ô-lim-pích thuộc một trong các môn toán, vật lý, hóa học, cơ học, tin học hoặc các chuyên ngành khác trong thời gian học ở bậc đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

c) Người có trình độ tiến sĩ học tại cơ sở giáo dục trong nước, trong độ tuổi theo quy định của Chính phủ về việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

Lưu ý: Đối với các trường hợp sử dụng bằng tốt nghiệp đại học, tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý Chất lượng thuộc Bộ GDĐT công nhận.

5. Đối tượng ưu tiên và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả vòng 2.

b) Người dân tộc thiểu số; sĩ quan quân đội, quân nhân chuyên nghiệp phục viên; sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân xuất ngũ; người làm công tác cơ yếu chuyên ngành; học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả vòng 2.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; công nhân, viên chức quốc phòng thôi việc còn trong độ tuổi lao động; đội viên thanh niên xung phong, trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các khu kinh tế quốc phòng sau khi hoàn thành nhiệm vụ tham gia dự án: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả vòng 2.

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân theo quy định của cấp có thẩm quyền: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

đ) Đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 14 Luật Nhà giáo. Là người có thời gian làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục đúng vị trí việc làm cần tuyển dụng hoặc giảng dạy, giáo dục ở cấp học, trình độ đào tạo khác nhưng môn học, ngành học giảng dạy phù hợp với vị trí việc làm tuyển dụng từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định định của pháp luật (nếu không liên tục và chưa nhận bảo hiểm xã hội 01 lần thì được cộng dồn), được cộng 05 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả vòng 2.

IV. TIẾP NHẬN HỒ SƠ, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC

1. Hồ sơ dự tuyển theo chính sách thu hút theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP

a) Hồ sơ dự tuyển được đựng trong túi đựng hồ sơ, hồ sơ gồm có:

- Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Bản sao các văn bằng, bằng điểm kết quả học tập theo yêu cầu vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực. Các văn bằng, bằng điểm, chứng chỉ bằng tiếng nước ngoài yêu cầu nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền công chứng hoặc chứng thực.

- Bằng khen, giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh đoạt giải cá nhân trong các kỳ thi, cuộc thi (*công chứng hoặc chứng thực*).

b) Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ dự tuyển:

- Thời gian nộp hồ sơ: 30 ngày, kể từ ngày **27/10/2026** đến 17 giờ ngày **25/11/2026** vào các ngày làm việc trong tuần.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Tổ chức cán bộ, Sở GDĐT, số 58 Hùng Vương, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hồ sơ dự tuyển theo Nghị định số 93/2026/NĐ-CP

a) Phiếu Đăng ký dự tuyển theo mẫu (*Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ*);

b) Thời gian và địa điểm nhận phiếu Đăng ký dự tuyển

- Thời gian nhận phiếu Đăng ký dự tuyển: 30 ngày, kể từ ngày **26/11/2026** đến 17 giờ ngày **25/12/2026** vào các ngày làm việc trong tuần.

- Địa điểm nhận phiếu Đăng ký dự tuyển: Thí sinh nộp phiếu Đăng ký dự tuyển trực tiếp tại Phòng Tổ chức cán bộ, Sở GDĐT, số 58 Hùng Vương, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

* **Lưu ý:** Sở GDĐT sẽ thông báo cụ thể trên trang thông tin tuyển dụng của Sở GDĐT tại địa chỉ <http://tuyendung.quangngai.edu.vn> về nhu cầu theo vị trí việc làm để thí sinh đăng ký nguyện vọng.

3. Việc tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP: Thông qua xét tuyển.

Nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục xét tuyển được thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

4. Nội dung, hình thức xét tuyển theo Nghị định số 93/2026/NĐ-CP

Xét tuyển viên chức giáo viên được thực hiện theo 02 vòng như sau:

a) Vòng 1

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Hình thức: Thi viết (tự luận)
- Nội dung: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng thực hành sư phạm theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.
- Thời gian: 180 phút.
- Thang điểm: 100 điểm.

5. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển giáo viên

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có kết quả điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành cộng với điểm ưu tiên (*nếu có*) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm, kể cả đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều đơn vị sử dụng viên chức khác nhau.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì người có kết quả điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; trường hợp cùng kết quả điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định người trúng tuyển.

c) Đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều đơn vị sử dụng viên chức khác nhau thì việc xác định đơn vị trúng tuyển thực hiện theo thứ tự ưu tiên lựa chọn trong Phiếu đăng ký dự tuyển của người trúng tuyển. Trường hợp số người trúng tuyển cùng đăng ký tuyển dụng vào một cơ quan, đơn vị sử dụng nhiều hơn số chỉ tiêu tuyển dụng của cơ quan, đơn vị đó thì ưu tiên lựa chọn người có kết quả tuyển dụng cao hơn. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của cơ quan, đơn vị sử dụng thì lựa chọn theo thứ tự ưu tiên quy định tại điểm b mục này.

d) Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

V. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

Sở GDĐT tổ chức kỳ tuyển dụng giáo viên thành 02 đợt, cụ thể như sau:

1. Đợt 1: Tổ chức tuyển dụng đối với các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT (thực hiện theo Quyết định số 819/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2025 và Quyết định

887/QĐ-SGDĐT ngày 14/11/2025 với 96 chỉ tiêu (*đã thu 538 hồ sơ kể cả 06 hồ sơ diện thu hút*).

- Tổ chức thi vòng 2 tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP; thời gian và địa điểm thi sẽ có thông báo sau.

- Tổ chức thi vòng 2 (*thi môn nghiệp vụ chuyên ngành*) kỳ tuyển dụng giáo viên làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở; thời gian và địa điểm thi sẽ thông báo cụ thể trên trang thông tin tuyển dụng của Sở GDĐT tại địa chỉ: <http://tuyendung.quangngai.edu.vn>.

- Dự kiến hoàn thành tuyển dụng Đợt 1 trước ngày 30/11/2026

2. Đợt 2: Tổ chức tuyển dụng giáo viên đối với các cơ sở giáo dục cấp xã.

- Tổ chức thi vòng 2 tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP; thời gian và địa điểm thi sẽ có thông báo sau.

- Tổ chức thi vòng 2 (*thi môn nghiệp vụ chuyên ngành*) kỳ tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã, thời gian và địa điểm thi sẽ thông báo cụ thể trên trang thông tin tuyển dụng của Sở GDĐT tại địa chỉ: <http://tuyendung.quangngai.edu.vn>.

- Dự kiến hoàn thành tuyển dụng Đợt 2 trước ngày 15/01/2027.

VI. KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Mức thu tạm thời khi nộp hồ sơ dự tuyển: 300.000 đồng/thí sinh/lần đăng ký dự tuyển (mức thu có thể được điều chỉnh tăng tùy theo số lượng người dự tuyển). Thí sinh nộp lệ phí tuyển dụng khi nộp hồ sơ, phiếu đăng ký dự tuyển.

2. Sở GDĐT tổ chức thu phí dự tuyển, quản lý chi và quyết toán theo quy định hiện hành.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Giám đốc Sở GDĐT Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tỉnh Quảng Ngãi (*sau đây gọi là Hội đồng tuyển dụng giáo viên*).

- Hội đồng tuyển dụng giáo viên có trách nhiệm giúp Sở GDĐT tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức theo kế hoạch và đúng quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo khoản 3 Điều 9 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 và Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Sở Nội vụ

Kiểm tra, giám sát công tác tuyển dụng giáo viên theo Kế hoạch tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tỉnh Quảng Ngãi.

3. Công an tỉnh

- Phối hợp, tạo điều kiện cử cán bộ tham gia bảo vệ Ban đề thi; Ban coi thi của Hội đồng tuyển dụng giáo viên Sở GDĐT.
- Phối hợp với Sở GDĐT xử lý các trường hợp sử dụng văn bằng tốt nghiệp giả để tham gia kỳ tuyển dụng.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở GDĐT trong công tác tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tỉnh Quảng Ngãi.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm học 2026-2027. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở GDĐT để xem xét, giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHU CẦU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-SGDĐT ngày 27/10/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phụ lục 1

TT	Tên trường	Biên chế được giao năm 2026	Tổng số biên chế hiện có mặt	Nhu cầu giáo viên mầm non	Ghi chú
TỔNG				52	
1	Xã Bình Minh				
	Trường Mầm non Bình Minh	52	49	3	
2	Xã Đông Sơn				
	Trường Mầm non số 1 Đông Sơn	55	55	1	1 GV về hưu
3	Xã Thọ Phong				
	Trường Mầm non Thọ Phong	43	42	3	Ngày 01/10/2026 có 02 giáo viên nghỉ hưu đúng tuổi
4	Xã Tư Nghĩa				
	Trường Mầm non Tư Nghĩa	55	54	2	01 hưu
5	Xã Đình Cương				
	Trường Mầm non Lê Khiết	63	60	2	
6	Xã Ba Tô				
	Trường Mầm non Ba Tô	39	38	1	
7	Xã Sơn Tây				
	Trường Mầm non xã Sơn Tây	63	62	1	
8	Xã Sơn Tây Thượng				
	Trường Mầm non Hoa Pơ-Niêng	57	52	5	
9	Xã Tây Trà				
	Trường Mầm non Tây Trà	55	51	4	
10	Xã Sa Thầy				
	Trường Mầm non Hoa Phượng	28	28	2	02 Giáo viên nghỉ hưu 01/11/2026
11	Xã Sa Bình				
	Trường Mầm non Tuổi Thơ	66	65	1	
12	Xã Ya Ly				
	Trường Mầm non Ya Ly	63	62	1	
13	Xã Đắk Tô Kan				
	Trường Mầm non Sơn Ca	68	63	5	
14	Xã Măng Bút				
	Trường Mầm non Đắk Nền	36	35	1	
15	Xã Kon Plông				
	Trường Mầm non Kon Plông	36	34	2	
16	Xã Kon Braih				
	Trường Mầm non Ánh Dương	62	61	1	
	Trường Mầm non Hòa Mi	53	52	2	01 hưu tháng 11/2026
17	Xã Đắk Rơ Wa				
	Trường MN Hoàng Sa	47	45	3	03 giáo viên nghỉ hưu
	Trường Mầm non Năng Hồng	61	58	5	05 giáo viên nghỉ hưu
18	Phường Kon Tum				

	Trường Mầm non Hoa Thạch Thảo	52	51	1	
	Trường Mầm non Hoa Phượng	57	57	1	01 hưu 10/2026
19	Xã Đăk Pxi				
	Trường Mầm non Hoa Hướng Dương	73	72	1	
20	Xã Đăk Mar				
	Trường Mầm non Trạng Nguyên	86	86	1	
21	Xã Bờ Y				
	Trường Mầm non Bờ Y	74	73	1	
22	Xã Đăk Môn				
	Trường Mầm non xã Đăk Môn	68	67	1	
23	Xã Đăk Long				
	Trường MN xã Đăk Long	39	38	1	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
SỞ VIÊN MÀM NÚN
SGDDĐT ngày 27/11

Phụ lục 2

[illegible]

[illegible]

	Trường Tiểu học Đắk Bla	84	81	1512	48	3	3							
30	Xã Đắk Pxi													
	Trường Tiểu học xã Đắk Pxi	93	92	1505	56	1	1							
31	Xã Ngọc Tụ													
	Trường tiểu học Kim Đồng	72	71	1107	42	1		1						
32	Xã Kon Đào													
	Trường TH Trần Quốc Toản	117	115	1769	71	2	2							
33	Xã Đắk Môn													
	Trường Tiểu học xã Đắk Môn	84	78	1271	47	6	6							01 hư 11/2026

123 88 11 5 4 3 6 6
 ##### ## ##### ### ### ### ###

NHU CẦU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 27/11/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

[illegible]

8	Xã Trà Giang																							
	Trường THCS số 1 Trà Giang	35	34			2							1			1								
	Trường THCS số 2 Trà Giang	32	32			1										1								
9	Xã Long Phụng																							
	Trường THCS Nguyễn Bá Loan	80	72	1050	35	2								1		1								
10	Xã Mỏ Cày																							
	Trường THCS Nguyễn Trãi	38	35	553	16	3						1	1										1	
	Trường THCS Mỏ Cày	93	81	1113	38	6		1				1	1	1			1			1				
11	Xã Mộ Đức																							
	Trường THCS Nam Đàn	45	44	642	20	1							1											
	Trường THCS Hòa Phú	55	53	566	19	2				2														
12	Xã Khánh Cường																							
	Trường THCS Khánh Cường	53	51	810	24	2	1	1																
13	Phường Trà Câu																							
	Trường THCS Văn Thuận	61	55	865	26	4						1				1		1	1					
	Trường THCS An Quang	76	71	1139	34	3							1			1	1							
14	Phường Đức Phổ																							
	Trường THCS Nguyễn Nghiêm	74	65	1127	31	1																1		
15	Phường Sa Huỳnh																							
	Trường THCS Sa Huỳnh	89	81	1.707	45	8	3				1	1				1		1					1	
16	Xã Đình Cương																							
	Trường THCS Phạm Văn Đồng	85	84	1192	35	5	3												1	1				
17	Xã Phước Giang																							
	Trường THCS Phước Giang	73	72	1100	32	1						1												
18	Xã Ba Vì																							
	Trường THCS Ba Vì	39	34	801	21	5	1		2							1	1							
19	Xã Ba Tô																							
	Trường THCS Ba Tô	43	42	525	17	1	1																	
20	Xã Ba Tơ																							
	THCS Ba Tơ	49	44	927	25	5					1										1	1	1	1

[illegible]

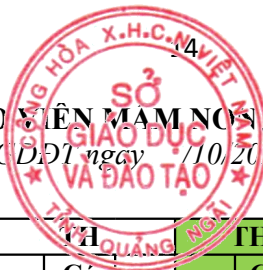
	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Đắk Rìng	30	24	381	12	6	1					1			1	1		1							
32	Xã Kon Plông																								
	Trường PTDTBT THCS Kon Plông	35	33	380	13	3	1									2									01 có đơn xin nghỉ việc
	Trường PTDTBT THCS Ngọc Tem	17	15	266	8	3					1					1					1				01viên chức bị khởi tố, dự kiến cho thôi việc
33	Xã Đắk Kôi																								
	Trường PTDTBT-THCS Đắk Kôi	40	39	490	16	1										1									
34	Xã Đắk Rơ Wa																								
	Trường THCS Đắk Rơ Wa	96	95	1738	44	3	2					1													
35	Phường Đắk Cấm																								
	Trường THCS Đắk Cấm	74	73	1443	35	1								1											
36	Phường Đắk Bla																								
	Trường THCS Đắk Bla	74	73	1364	33	1		1																	
37	Xã Đắk Pxi																								
	Trường THCS xã Đắk Pxi	58	57	1025	26	1					1														
38	Xã Kon Đào																								
	Trường THCS Nguyễn Trãi	83	82	1288	37	1										1									
39	Xã Bờ Y																								
	Trường THCS Plei Kần	87	85	1705	43	2						1				1									
40	Xã Dục Nông																								
	Trường PTDTBT THCS Ngô Quyền	30	27	425	12	1															1				
41	Xã Đắk Pék																								
	Trường THCS Đắk Glei	80	77	1265	34	3	1					1						1							
42	Xã Đắk Môn																								
	Trường THCS xã Đắk Môn	60	57	1022	27	3		1									1							1	

138 24 5 4 4 5 16 6 5 3 28 4 6 5 3 7 2 7

[illegible]

[illegible]

[illegible]



NHU CẦU TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN MẦM NON PHỔ THÔNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-SCĐĐT ngày 11/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phụ lục 1

TT	Tên trường	Mầm non			TH			THCS			TH-THCS			TH CS	Ghi chú	
		Giao	Có mặt	ĐK	Giao	Có mặt	ĐK	Giao	Có mặt	ĐK	Giao	Có mặt	TH			
1	Xã Bình Minh	52	49	3							148	141	5	2		
2	Xã Bình Chương										97	93	1	3		
3	Xã Bình Sơn														Không	
4	Xã Vạn Tường				106	104	3	176	168	8					1 hưu	
5	Xã Đông Sơn	55	55	1	181	172	9	145	143	6					5 hưu	
6	Xã Trường Giang														Không	
7	Xã Ba Gia							89	88	1						
8	Xã Sơn Tịnh														Không	
9	Xã Thọ Phong	43	42	3	97	96	5								6 hưu	
10	Xã Tịnh Khê				89	88	1	134	128	6						
11	Xã An Phú														Không	
12	Phường Trương Quang Trọng							137	134	1						
13	Phường Cẩm Thành				232	219	8	69	67	1						
14	Phường Nghĩa Lộ														Không	
15	Xã Tư Nghĩa	55	54	2	46	43	1	79	78	3	179	174	2	4	5 hưu	
16	Xã Vệ Giang										134	130	3	0		
17	Xã Nghĩa Giang										176	168	0	6		
18	Xã Trà Giang							67	66	3					2 hưu	
19	Xã Long Phụng							80	72	2						
20	Xã Mô Cày							131	116	9						
21	Xã Mộ Đức							100	97	3						
22	Xã Lân Phong				55	47	1									
23	Xã Nguyễn Nghiêm														Không	
24	Xã Khánh Cường				63	58	4	53	51	2						
25	Phường Trà Câu				76	67	8	137	126	7						
26	Phường Đức Phổ							74	65	1						
27	Phường Sa Huỳnh				113	98	17	89	81	8					2 hưu	
28	Xã Nghĩa Hành														Không	
29	Xã Đình Cương	63	60	2				85	84	5					5 GV nghỉ	
30	Xã Thiện Tín														Không	
31	Xã Phước Giang							73	72	1						
32	Xã Ba Vì				61	60	1	39	34	5						
33	Xã Ba Tô	39	38	1	62	61	1	43	42	1						
34	Xã Ba Đình										52	51	0	1		
35	Xã Ba Tơ				61	60	1	68	61	7						
36	Xã Ba Vinh										61	59	1	1		
37	Xã Ba Động														Không	
38	Xã Ba Xa				37	36	1	24	22	3					1 hưu	
39	Xã Đặng Thùy Trâm										35	34	0	1		
40	Xã Minh Long														Không	
41	Xã Sơn Mai														Không	
42	Xã Sơn Hạ				65	64	1	44	44	1					1 hưu	
43	Xã Sơn Linh														Không	
44	Xã Sơn Hà				67	62	4	48	45	1						
45	Xã Sơn Thủy										31	30	2	0	1 hưu	
46	Xã Sơn Kỳ										46	43	0	3		
47	Xã Sơn Tây	63	62	1	81	80	1	82	76	6						
48	Xã Sơn Tây Thượng	57	52	5							102	93	3	6		
49	Xã Sơn Tây Hạ										83	74	5	1		
50	Xã Trà Bồng							27	26	1						

TT	Tên trường	Mầm non			TH			THCS			TH-THCS			TH CS	Ghi chú		
		Giao	Có mặt	ĐK	Giao	Có mặt	ĐK	Giao	Có mặt	ĐK	Giao	Có mặt	TH				
51	Xã Đông Trà Bồng														Không		
52	Xã Tây Trà	55	51	4	92	89	3	81	73	8							
53	Xã Thanh Bồng										50	48	0	1			
54	Xã Cà Đam										37	36	1	0			
55	Xã Tây Trà Bồng							60	55	1							
56	Đặc khu Lý Sơn														Không		
57	Xã Sa Thầy	28	28	2				62	57	5	51	50	0	2	3 hưu		
58	Xã Sa Bình	66	65	1	71	70	1	85	83	2							
59	Xã Ya Ly	63	62	1	76	75	1										
60	Xã Rơ Koi										73	71	0	2			
61	Xã Mô Rai										87	85	0	2			
62	Xã Ia Toi										100	98	1	1			
63	Xã Ia Đal										51	50	0	1			
64	Xã Đắk Sao										92	90	1	0			
65	Xã Đắk Tờ Kan	68	63	5							135	130	5	0			
66	Xã Tu Mơ Rông				57	52	5	63	62	1							
67	Xã Măng Ri										146	134	8	3			
68	Xã Măng Đen										183	172	3	8			
69	Xã Măng Bút	36	35	1				30	24	6	68	65	2	2	1 hưu		
70	Xã Kon Plông	36	34	2	76	67	10	52	48	6					2 nghỉ việc, 1 thôi việc		
71	Xã Đắk Kôi				53	52	1	40	39	1							
72	Xã Đắk Rve														Không		
73	Xã Kon Braih	115	113	3	149	146	3								1 hưu		
74	Xã Ngọc Bay				89	87	2				51	50	2	0	1 hưu		
75	Xã Ia Chim														Không		
76	Xã Đắk Rơ Wa	108	103	8	138	134	9	96	95	3					17 hưu		
77	Phường Kon Tum	109	108	2	152	151	5								5 hưu		
78	Phường Đắk Cấm				153	150	3	74	73	1							
79	Phường Đắk Bla				84	81	3	74	73	1							
80	Xã Đắk Pxi	73	72	1	93	92	1	58	57	1							
81	Xã Đắk Mar	86	86	1							129	126	2	0		Đã gọi	
82	Xã Đắk Ui														Không		
83	Xã Ngọc Réo														Không		
84	Xã Đắk Hà														Không		
85	Xã Ngọc Tụ				72	71	1										
86	Xã Đắk Tô														Không		
87	Xã Kon Đào				117	115	2	83	82	1							
88	Xã Bờ Y	74	73	1				87	85	2							
89	Xã Sa Loong										63	61	0	1			
90	Xã Dục Nông							30	27	1	71	62	0	4			
91	Xã Xốp										77	74	3	0			
92	Xã Ngọc Linh										78	74	0	4			
93	Xã Đắk Plô										37	36	1	0			
94	Xã Đắk Pék							80	77	3							
95	Xã Đắk Môn	68	67	1	84	78	6	60	57	3					1 hưu		
96	Xã Đắk Long	39	38	1													
TỔNG CỘNG		52			123			138			51			59			
423		52			174			197									